

Bản án số: 08/2019/HS-PT
Ngày 24/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yên và ông Nguyễn Huy Hiểu.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vụ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2018/TLPT-HS ngày 12/12/2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 108/2018/HSST ngày 30/10/2018 của TAND huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN VĂN L, sinh năm 1977 tại: xã L, thị xã Đ, Quảng Ninh: Nơi cư trú: xóm S, thôn T, xã L, thị xã Đ, Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Hoàng Thị D (đã chết); Có vợ: Lê Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân tốt; Tạm giữ từ ngày 23/12/2017 đến ngày 01/01/2018, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay (có mặt).

Vụ án còn 02 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 12/2017, em trai G là Nguyễn Tiến S nói chuyện với G là có người tên là T ở huyện N, tỉnh Hải Dương, cần mua một số dụng cụ để khai thác than. Khoảng mấy ngày sau, T liên hệ với S và hẹn gặp S tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Súc nói lại với G và đi cùng G đến huyện K gặp T. Khi gặp nhau thì T và G trao đổi việc mua bán thuốc nổ để khai thác than. T bảo G là có bao nhiêu thuốc nổ sẽ mua hết và trao đổi số điện thoại để liên lạc. G đồng ý nói sẽ trả lời sau, S không biết việc trao đổi giữa G và T.

Sau đó G đã trực tiếp gặp Bùi Thị N (bà N là mẹ nuôi của chồng G) hỏi mua thuốc nổ, N đồng ý. Rồi N đã liên lạc với Nguyễn Văn L (là cháu gọi N bằng mợ) mua thuốc nổ, L nói khi nào có sẽ trả lời. Sau đó, L đến chợ Long Biên, thành phố Hà Nội mua các hóa chất có tên gọi thông thường là đạm hai lá, đạm nổ và đến khu vực gần nhà máy sản xuất thuốc nổ Z21 - Bộ Quốc phòng ở tỉnh Phú Thọ mua một số giấy màu nâu để vẽ sử dụng quần các thỏi thuốc nổ. Sau khi mua được các hóa chất và vật dụng mang về nhà, L sử dụng 30 kg hóa chất trộn với 03 kg mùn cưa gỗ, rồi cho vào máy nghiền tạo ra thành bột thuốc nổ và cho thuốc nổ vào một ống nhựa đường kính 3,2 cm để tạo thành thỏi, rồi dùng giấy đã mua quần lại, đun nóng chảy nên thành nước và nhúng thỏi thuốc nổ này qua nước nên nóng chảy để thỏi thuốc nổ giống với nhà máy sản xuất. L làm được tổng số 690 thỏi thuốc nổ, đóng 10 (mười) thỏi thuốc nổ vào một túi nilon để bán.

Ngày 21/12/2017, L điện thoại cho N báo có 690 thỏi thuốc nổ, giá bán là 24.000 đồng/01 thỏi, N đồng ý. Sau đó N gọi điện báo cho G biết có 690 thỏi thuốc nổ, giá bán 30.000 đồng/01 thỏi, G đồng ý và điện thoại cho T nói có 690 thỏi thuốc nổ giá bán là: 38.000.000 đồng và bảo T đưa trước 10.000.000 đồng tiền đặt cọc. T đồng ý và chiều ngày 21/12/2017 gặp G, đưa cho G số tiền 10.000.000 đồng tại khu vực cổng trường Cao đẳng công nghiệp cơ giới ở Ưông Bí- Quảng Ninh; T hẹn G ngày 22/12/2017 G sẽ mang thuốc nổ đến địa bàn tỉnh Hải Dương giao và T sẽ trả nốt số tiền 28.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, G gặp N tại khu vực Dốc Đỏ, Yên Tử, Quảng Ninh đưa cho N số tiền 10.000.000 đồng tiền đặt cọc và bảo ngày 22/12/2017 sẽ lấy thuốc nổ. N đến nhà gặp L nói ngày 22/12/2017, G sẽ đến lấy thuốc nổ.

Chiều ngày 22/12/2017, N đến nhà L để giao thuốc nổ cho G nhưng không thấy G đến nên N đi về nhà ở Thủy Nguyên, Hải Phòng và dặn L nếu G đến thì giao cho G số thuốc nổ nói trên và bảo G giá 30.000 đồng/01 thỏi. Khoảng 19 giờ ngày 22/12/2017, G thuê xe taxi, biển số: 14A- 212.96 do anh Nguyễn Thanh H điều khiển chở G đến Khe Sù. Đến nơi, G gọi điện thoại cho N và N hướng dẫn cho G qua điện thoại đường đi đến nhà L. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến nhà L thì N gọi điện thoại bảo L mở cổng, G bảo anh H

lùi xe vào cổng. L và Phùng Văn B (là em nuôi của L) bê 05 bao tải, trong đựng 690 gói thuốc nổ vào trong xe ô tô của anh N. Sau đó, H bảo anh H chở đến thị trấn M, huyện K, Hải Dương để giao số thuốc nổ trên cho người tên T. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến khu đô thị mới thuộc thị trấn M, H bảo anh H dừng xe để gọi điện cho T đến lấy thuốc nổ thì bị Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang. Thu giữ tại hàng ghế phía sau xe taxi 03 bao tải dứa, trong có xe phía sau 02 bao tải dứa trong có chứa tổng số 690 gói hình trụ tròn (được niêm phong); 01 xe ô tô taxi nhãn hiệu Huydai I10 mang biển kiểm soát 14A-212.96. Thu của H 01 điện thoại di động mang nhãn hiệu MI (điện thoại bị vỡ màn hình và bị cong vênh), trong máy có gắn thẻ sim số 0165.456.1682.

Ngày 23/12/2017, Nguyễn Văn L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Hải Dương đầu thú.

Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ của Bùi Thị N 01 chiếc điện thoại di động Nokia, trong máy có sim điện thoại thuê bao số 01633429508; thu của L 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu trắng.

Ngày 24/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Hải Dương tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn L, thu giữ: Tại khu vực phía sau lò sấy vải thiều (lò nằm trong khuôn viên nhà Nguyễn Văn L) 01 máy nghiền màu xanh, có phễu nhựa màu trắng, bên trong phễu dính bột mùn và chất bột màu trắng; 01 bao dứa màu đỏ bên trong đựng chất mùn (được niêm phong ký hiệu M1); 01 bao tải dứa màu trắng còn nguyên chỉ khâu, bên trong chưa xác định chất gì, bên ngoài vỏ bao in chữ POTASSIUM NITRATE 99,4% MIN", (được niêm phong ký hiệu M2); 01 bao dứa bên trong có một túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, bên ngoài vỏ bao in chữ AMMONIUM NITRAT" (được niêm phong ký hiệu M3); 01 bao dứa đựng khối chất rắn màu trắng (ghi sập nền paraffin), (được niêm phong ký hiệu M4).

Tại kết luận giám định số 6481 ngày 25/12/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: 690 gói hình trụ được niêm phong gửi đến giám định đều là thuốc nổ công nghiệp Amônít, mang nhãn hiệu do Công ty TNHH một thành viên hoá chất 21 Bộ quốc phòng sản xuất. Tổng khối lượng số thuốc nổ trên là 138 kg.

Tại Kết luận giám định số 6506 ngày 25/12/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Mẫu 1 là bột gỗ, khối lượng là 5,2 kg. Mẫu M2 là NH₄No₃ (amoni nitrate), khối lượng là 25 kg. Mẫu M3 là NH₄NO₃ (amoni nitrate) khối lượng là 3,4kg. Mẫu 4 là sập nền, khối lượng là 18 kg.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 3, Chương I của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP đề ngày 23/4/2009 của chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp thì Amoni Nitrat

(NH₄NO₃) là tiền chất thuốc nổ (nguyên liệu trực tiếp để sản xuất thuốc nổ).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 108/2018/HSST ngày 30/10/2018 Tòa án nhân dân huyện K, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999 (khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử phạt Nguyễn Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/12/2017. Ngoài ra bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/11/2018, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn L giữ nguyên kháng cáo và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu luận tội, đánh giá tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng điểm a khoản 3 Điều 232 BLHS năm 1999, Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017; điểm s,v khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, điểm a khoản 1 Điều 355 BLTTHS. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, Sửa bản án hình sự sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ“, xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị cáo L trong thời hạn luật định, nên là kháng cáo hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền và được Bùi Thị N hỏi mua thuốc nổ, cho nên Nguyễn Văn L đã mua các loại hóa chất, nguyên liệu để chế tạo trái phép 690 thỏi thuốc nổ công nghiệp, có tổng khối lượng là 138 kg. Ngày 22/12/2017, Nguyễn Văn L cùng Bùi Thị N bán trái phép số chất nổ nêu trên cho Nguyễn Thị H. Sau đó H vận chuyển số thuốc nổ đến địa bàn tỉnh Hải Dương bán cho người tên T thì bị bắt. Hành vi của bị cáo

đã phạm tội “ Chê tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo khoản 3 điều 232 BLHS năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo L, HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 2 điều 51 BLHS. Với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với mức hình phạt 7 năm 6 tháng tù cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên xét về nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị người khác rủ rê lôi kéo, số lượng thuốc nổ đã được thu giữ ngăn chặn kịp thời. Bị cáo có thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh trật tự được cấp có thẩm quyền tặng nhiều giấy khen vào các năm 2015,2016,2017 cho nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 BLHS. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm là thể hiện sự ăn năn hối cải. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nên HĐXX cần áp dụng điều 54 BLHS xử giảm nhẹ với mức dưới khung hình phạt thấp nhất cho bị cáo, cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành tốt có ích cho xã hội. Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] về án phí phúc thẩm: kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; Điểm c khoản 1 điều 357;Điểm a khoản 3 Điều 232 BLHS 1999;Khoản 2 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017;Điểm s,v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 BLHS.

1.Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 108/2018/HSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt.

Xử phạt:Bị cáo Nguyễn Văn L **06 (sáu)** năm tù về tội “Chê tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/12/2017.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 24/01/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Trại giam Kim Chi – Công an tỉnh

Hải Dương;

- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV – CA tỉnh HD;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chắt